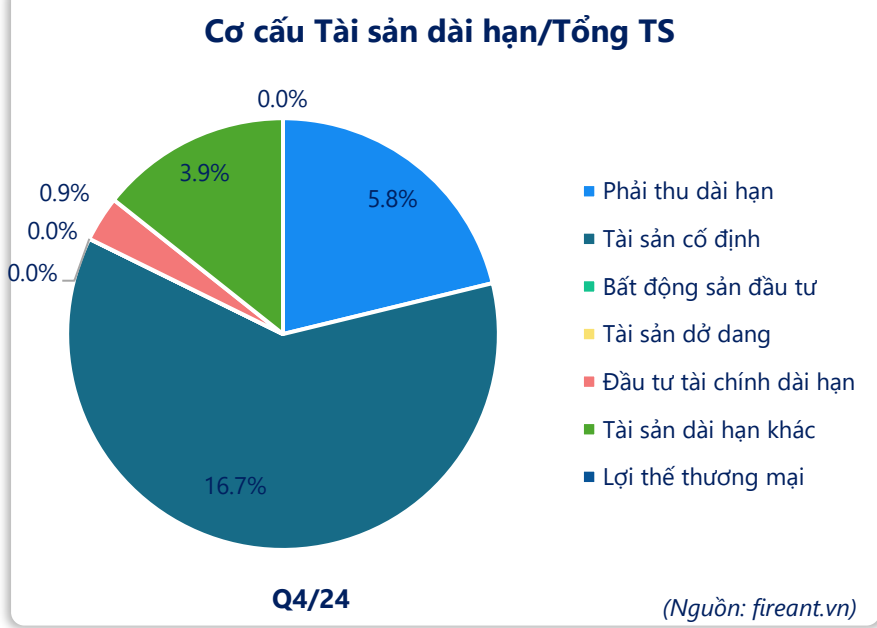
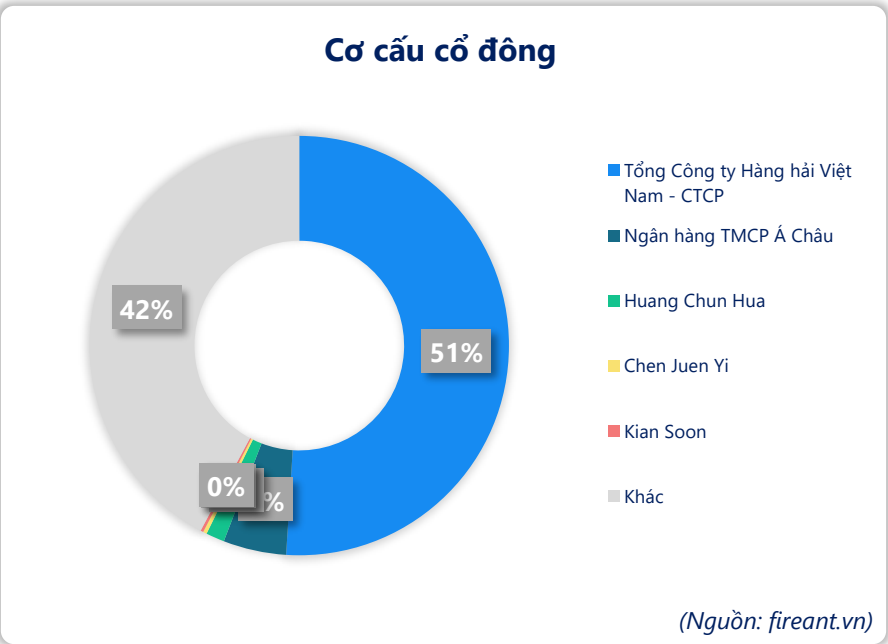
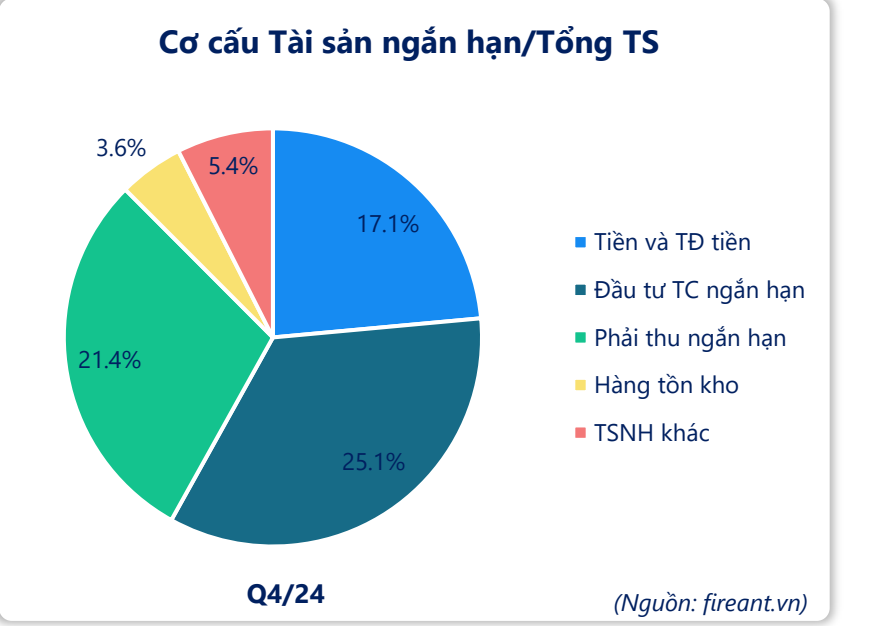
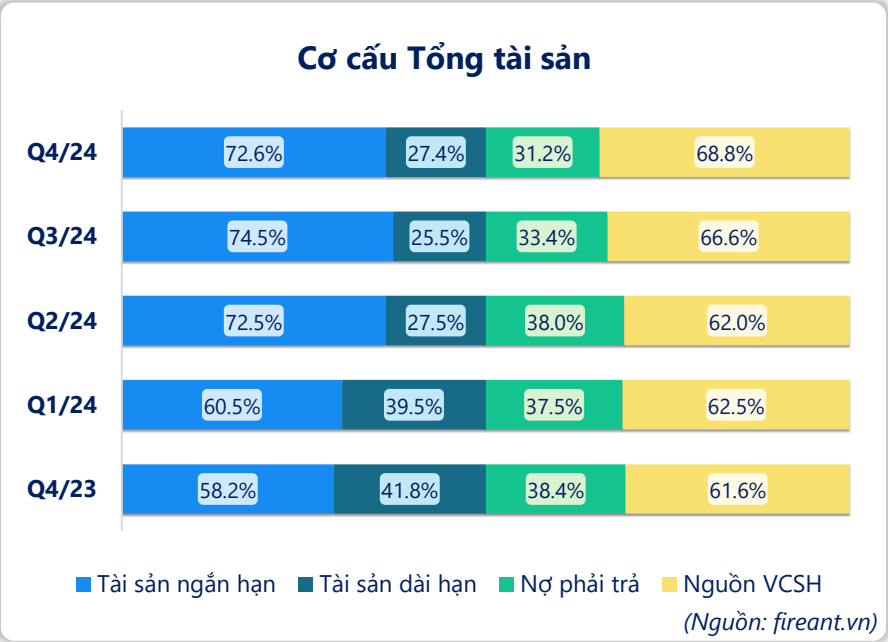
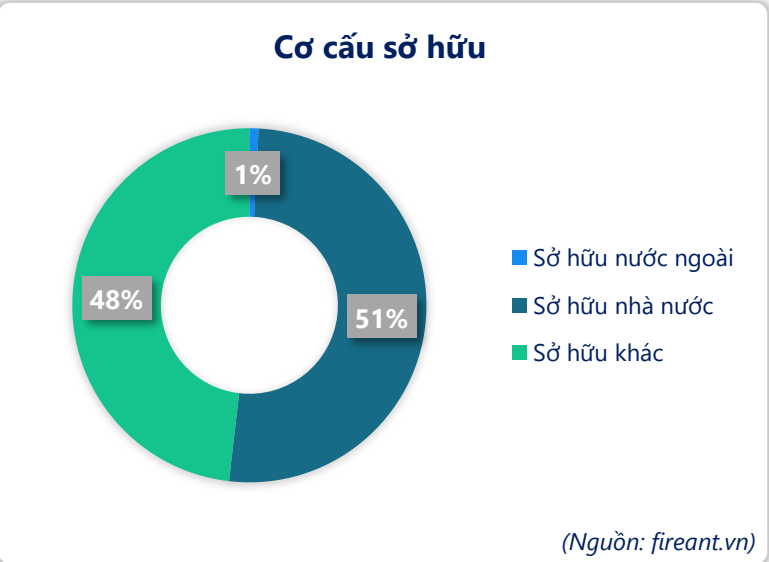
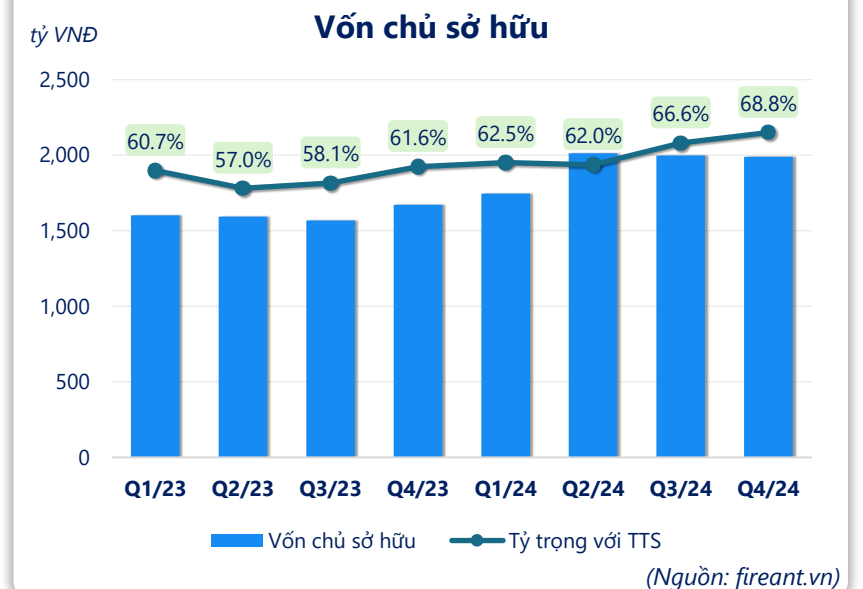
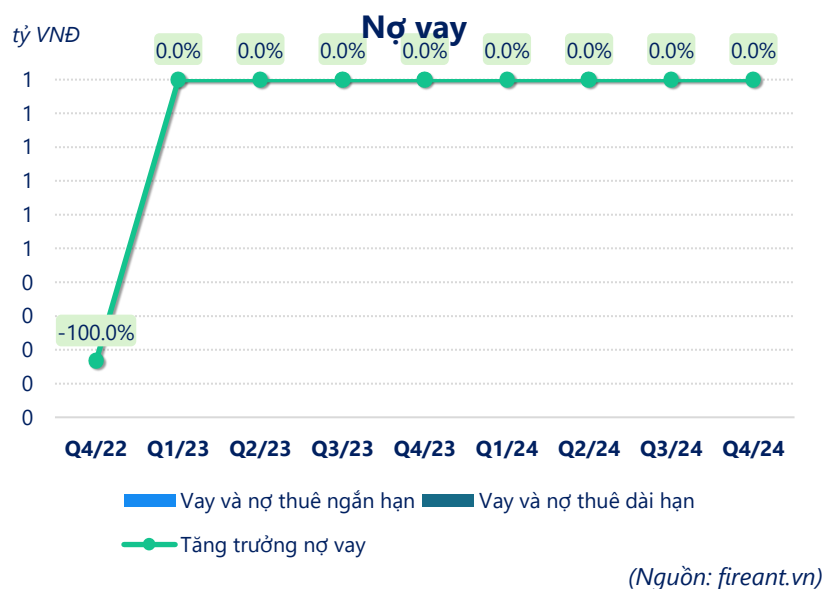
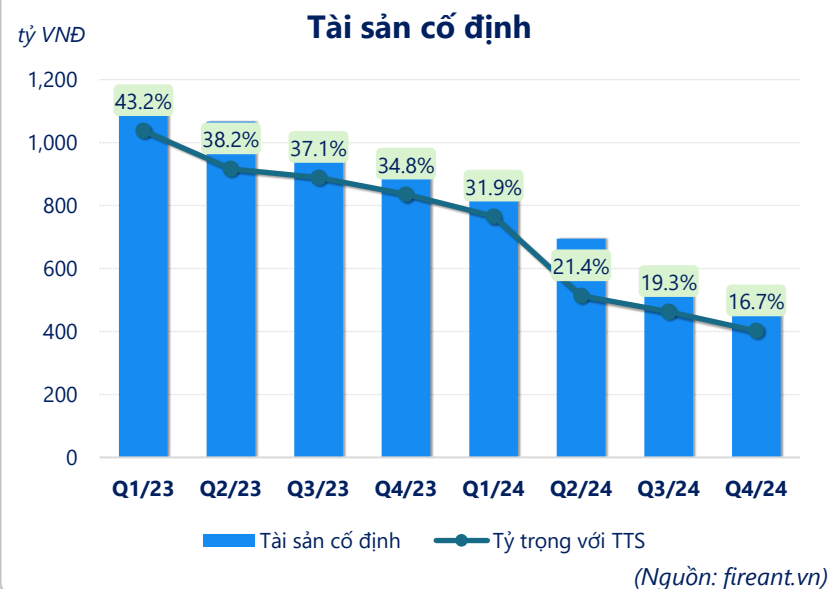
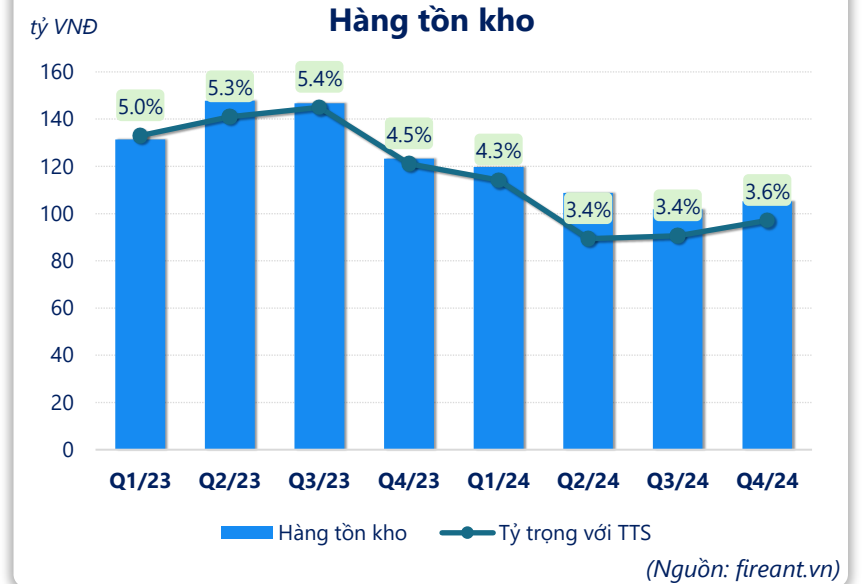
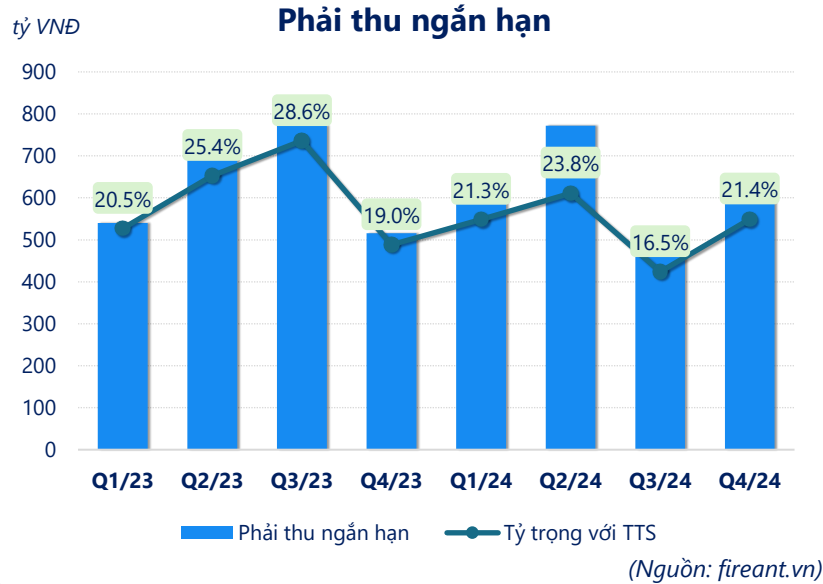
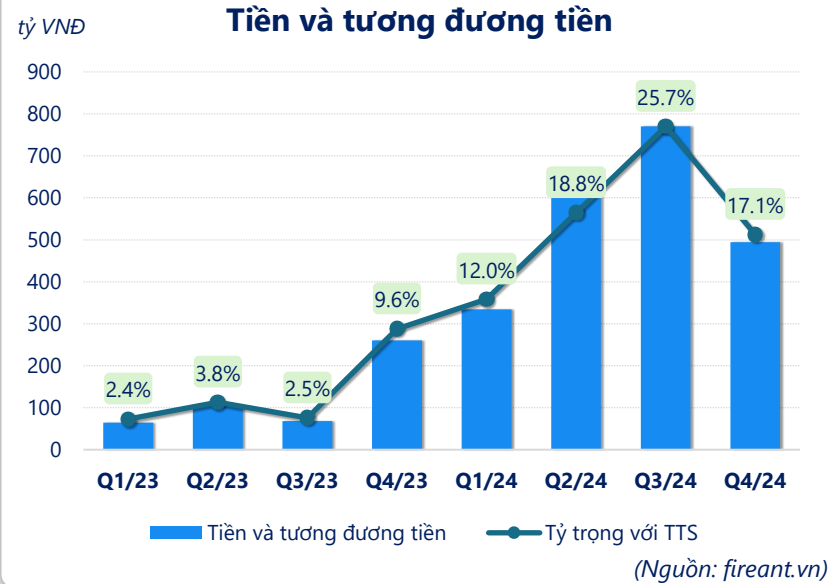
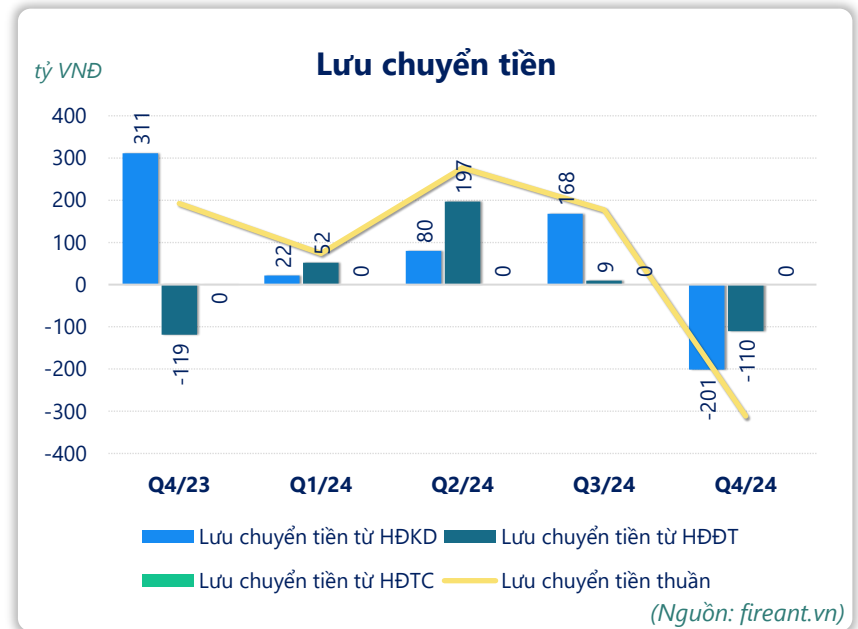
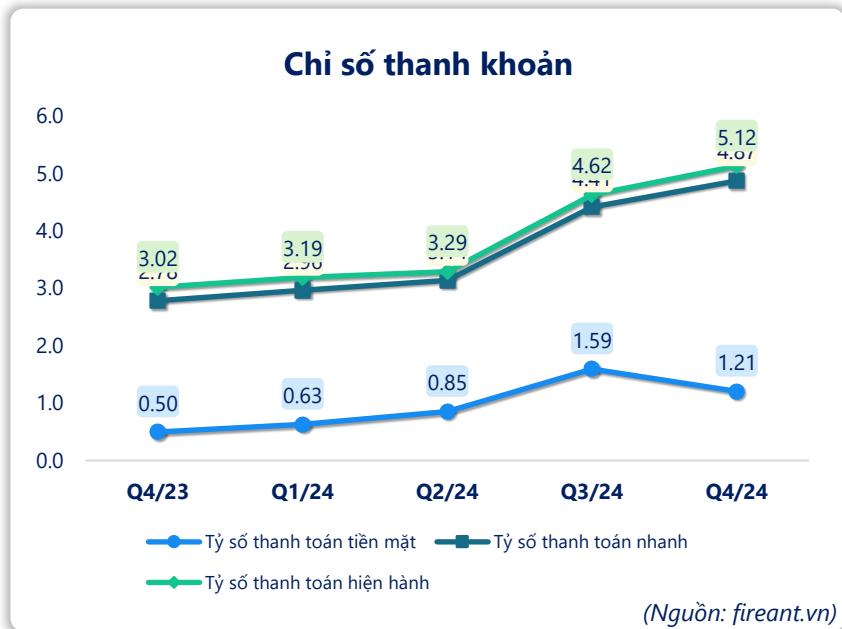
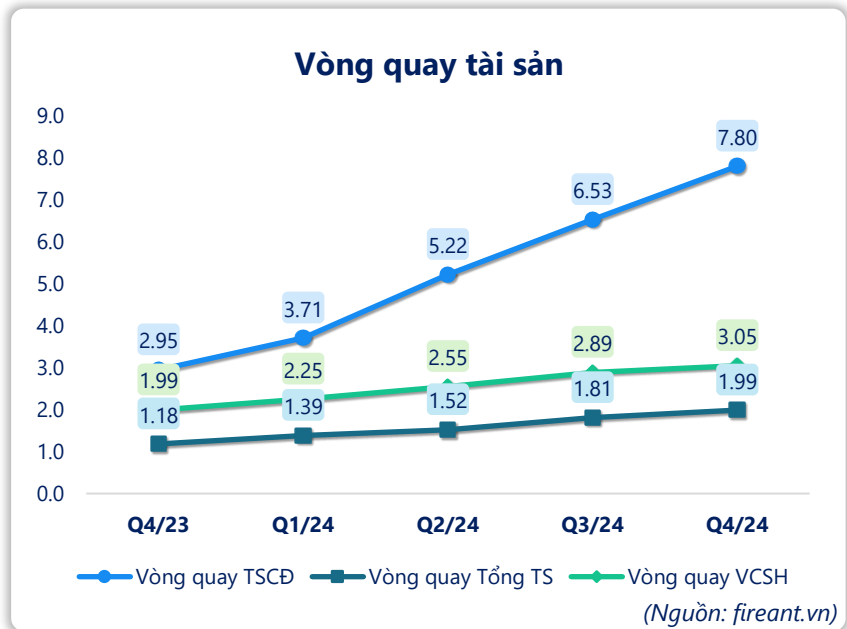
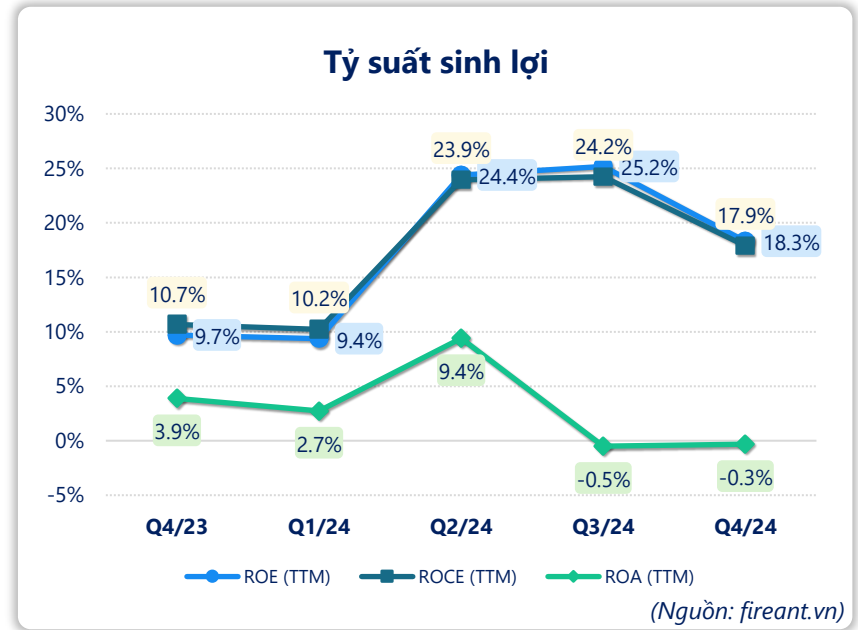
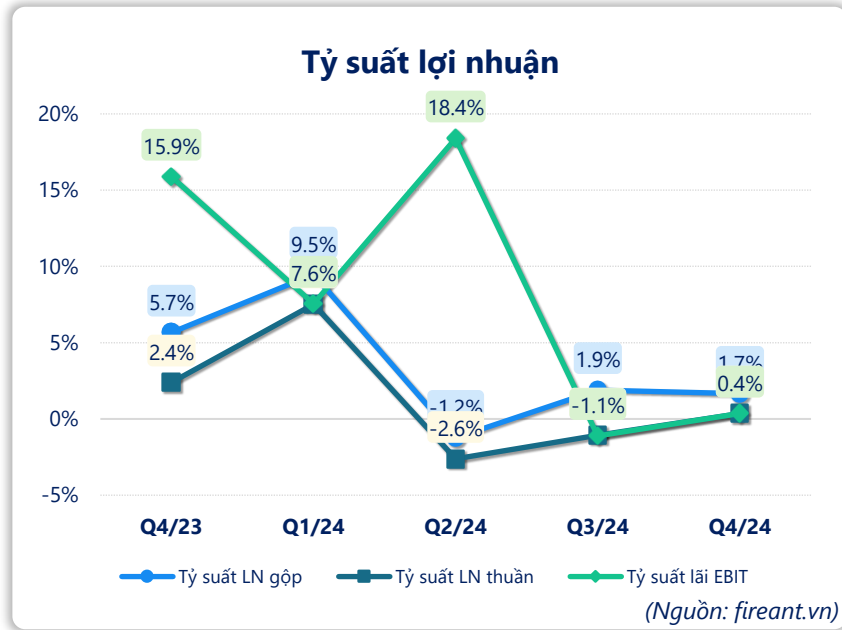
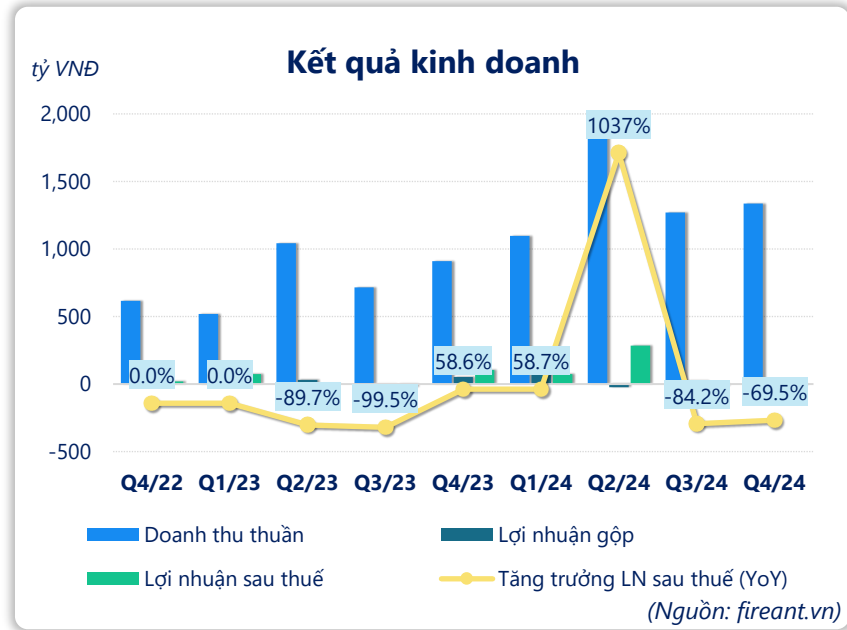


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		17,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		21,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		9,900
SL cổ phiếu LH		140,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		3,206,445
% sở hữu nước ngoài		0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,380
P/E		7.1
EPS		2,395

	YTD	1T	3T	6T
VOS		6.3%	10.7%	-22.4%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	2,891	2,715	6.5%
Tài sản ngắn hạn	2,099	1,581	32.8%
Tiền và tương đương tiền	494	260	89.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	725	565	28.3%
Phải thu ngắn hạn	618	515	19.9%
Hàng tồn kho	105	123	-14.6%
Tài sản ngắn hạn khác	157	117	34.1%
Tài sản dài hạn	792	1,134	-30.1%
Phải thu dài hạn	168	31.5	434%
Tài sản cố định	484	946	-48.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	26.9	25.9	3.9%
Tài sản dài hạn khác	113	131	-13.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	902	1,043	-13.5%
Nợ ngắn hạn	410	524	-21.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	95.4	317	-69.9%
Nợ dài hạn	493	519	-5.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,989	1,672	18.9%
Vốn chủ sở hữu	1,989	1,672	18.9%
Vốn điều lệ	1,400	1,400	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	910	1,097	1,872	1,270	1,337
Giá vốn hàng bán	858	993	1,895	1,246	1,315
Lợi nhuận gộp	51.6	104	-23.1	24.1	22.1
Doanh thu HĐTC	14.6	15.8	16.2	11.8	36.4
Chi phí TC	8.06	1.29	3.48	19.4	1.45
Chi phí lãi vay	5.98	0	0.06	0	0
LN trong công ty LKLD	0.35	0.79	1.55	1.61	-0.44
Chi phí bán hàng	15.9	17.3	17.3	13.9	14.9
Chi phí QLDN	20.7	19.5	22.8	17.9	37.0
LN thuần từ HĐKD	21.8	82.5	-48.9	-13.7	4.81
Lợi nhuận khác	117	0.48	393	-0.43	-0.01
LN trước thuế	139	83.0	344	-14.1	4.80
Lợi nhuận sau thuế	105	74.5	284	-14.1	-9.00
LNST của CĐ cty mẹ	105	74.5	284	-14.1	-9.00

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	311	21.9	80.0	168	-201
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-119	52.1	197	9.30	-110
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.02	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	68.0	260	334	611	770
Lưu chuyển tiền thuần	192	74.0	277	177	-311
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.04	0.04	-0.15	-17.8	35.2
Tiền cuối kỳ	260	334	611	770	494

(Nguồn: fireant.vn)